TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Viển.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

2. Ông Lê Minh Giang.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ*** *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Quang T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp 2, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị Thu T1, sinh năm 2000.

Địa chỉ: ấp Chợ, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2023; bản tự khai ngày 28/4/2023 nguyên đơn là Anh Trần Quang T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và Chị Bùi Thị Thu T1 tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 17/7/2018. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng với nhau về chuyện kinh tế gia đình. Anh và chị T1 đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến

nay, vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay anh nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với chị T1 nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với Chị Bùi Thị Thu T1.

- Về con chung: Anh khai anh và chị T1 không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị T1 không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Chị Bùi Thị Thu T1: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 118/TB-TLVA ngày 10 tháng 4 năm 2023 cho chị T1 nhưng không tống đạt trực tiếp được nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo về việc thụ lý vụ án theo quy định. Chị T1 không có ý kiến trả lời theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành niêm yết giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T1 không đến Tòa án làm việc, hòa giải do đó chị T1 không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tống đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; anh T và chị T1 đã sống ly thân không ai còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nên yêu cầu xin ly hôn của anh T là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

Về con chung: Anh T khai anh và chị T1 không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Anh Trần Quang T chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn Chị Bùi Thị Thu T1 hiện cư trú tại xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Anh Trần Quang T yêu cầu khởi kiện ly hôn với Chị Bùi Thị Thu T1 nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Anh Trần Quang T là nguyên đơn; Chị Bùi Thị Thu T1 là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn Anh Trần Quang T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn Chị Bùi Thị Thu T1 đã được triệu tập hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Anh T, chị T1 tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 17/7/2018 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh T: Anh T xin ly hôn với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và anh T cũng không còn tình cảm với chị T1. Qua thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương thể hiện: Vợ chồng anh T và chị T1 thật sự có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn chăm lo cho nhau.

Qua xem xét lời trình bày của anh T, chứng cứ Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định vợ chồng anh T và chị T1 thật sự đã có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc nhau, vi phạm quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, chị T1 không tham gia hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, điều này thể hiện chị T1 không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa anh T và chị T1 đã có mâu thuẫn, khả năng đoàn tụ không có nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, giải quyết cho anh T được ly hôn với chị T1 theo Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về con chung: Anh T và chị T1 không có con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Anh Trần Quang T chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 218, 227, 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh Trần Quang T. Anh Trần Quang T được ly hôn với Chị Bùi Thị Thu T1.

2) Về con chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

3) Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4) Về án phí: Anh Trần Quang T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai số 0004232 ngày 10/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Anh T đã nộp đủ án phí.

5) Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Thị Hương Giang-Lê Minh Giang **Trần Thị Viển**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã S
(GCNKH số 76, ngày 17/7/2018);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Viển